

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 22-5-2020  
V/v tranh chấp xác định con cho cha

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Đặng Thị Đôi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp xác định con cho cha” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Đức K, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Văn U, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn P 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2020 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Bùi Đức K trình bày: Anh quen biết, yêu thương chị Nguyễn

Thị Thanh C từ đầu năm 2018, nên có quan hệ tình cảm với nhau, chị C có thai và sinh con gái vào ngày 17/01/2019 tại Bệnh viện P Hải Phòng, dự định đặt tên bé gái là Bùi Thị Kỳ D. Do chị C có thai, sinh bé gái nêu trên trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa chị C với anh Phạm Văn U, nên chưa làm thủ tục khai sinh cho bé gái. Tháng 3 năm 2019 chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh U. Ngày 26/3/2019 Tòa án nhân dân huyện K đã ban hành Quyết định số 64/2019/QĐST- HNGĐ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, giữa chị C với anh U. Ngày 02/4/2019 anh và chị C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nên chị C đã mang con bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng từ cuối năm 2019 đến nay. Để đảm bảo quyền được làm cha đối với bé gái và quyền lợi của bé gái được đảm bảo theo quy định của pháp luật, nên anh yêu cầu Tòa án xác định bé gái dự định đặt tên Bùi Thị Kỳ D do chị C sinh ra ngày 17/01/2019 là con đẻ của anh.

Tại bản khai ngày 14 tháng 02 năm 2020 bị đơn Nguyễn Thị Thanh C trình bày thống nhất với anh K về toàn bộ nội dung sự việc cũng như quan hệ giữa hai bên. Do chị có con chung với anh K trong thời gian chị và anh U là vợ chồng hợp pháp (chưa làm thủ tục ly hôn), nên không làm được thủ tục khai sinh cho con chung của chị với anh K. Nay anh K yêu cầu xác định bé gái dự định đặt tên Bùi Thị Kỳ D, do chị sinh ra ngày 17/01/2019 là con của anh K; chị đồng ý. Đề nghị Tòa án chấp nhận.

Tại phiên tòa, anh K giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên. Chị C giữ nguyên nội dung đã trình bày và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh K. Cả hai anh chị đều đề nghị Hội đồng xét xử xác định bé gái dự định đặt tên Bùi Thị Kỳ D do chị C sinh ra ngày 17/01/2019 là con của anh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn U vắng mặt, nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành quy định của pháp luật tại các Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh U) tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh U là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Đức K, xác định cháu gái dự định đặt tên là Bùi Thị Kỳ D do chị Nguyễn Thị Thanh C sinh ra ngày 17/01/2019 là con đẻ của anh Bùi Đức K.

Về án phí: Anh K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại anh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh U không đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia hòa giải, từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Sau đó Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, trong đó ấn định thời gian mở lại phiên tòa, nhưng anh U vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh U.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “tranh chấp về xác định con cho cha” theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do chị C (bị đơn) cư trú tại thôn X, xã T, huyện K; căn cứ Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Anh K và chị C đều xác định cháu gái dự định đặt tên là Bùi Thị Kỳ D do chị C sinh ra ngày 17/01/2019 là con của anh K. Tại Kết luận giám định số 16/2020/GĐSH ngày 05/3/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Anh Bùi Đức K và cháu bé dự

định đặt tên Bùi Thị Kỳ D có quan hệ huyết thống trực hệ cha - con. Như vậy, lời trình bày của anh K, chị C phù hợp với nhau và phù hợp với Kết luận giám định số 16, ngày 05/3/20020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng, nên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh K đề nghị xác định cháu gái dự định đặt tên Bùi Thị Kỳ D do chị C sinh ra ngày 17/01/2019 là con đẻ của anh K, phù hợp với Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của anh K được chấp nhận, nên anh K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mà chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qU định tại Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 2 Điều 89; Điều 91, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Đức K:

1. Xác định cháu gái dự định đặt tên là Bùi Thị Kỳ D, sinh ngày 17/01/2019 là con đẻ của anh Bùi Đức K do chị Nguyễn Thị Thanh C sinh ra.

2. Về án phí: Anh Bùi Đức K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh Bùi Đức K số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0008850 ngày 05/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị Nguyễn Thị Thanh C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh K, Chị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T, huyện K
- UBND phường M, quận Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Dịu**